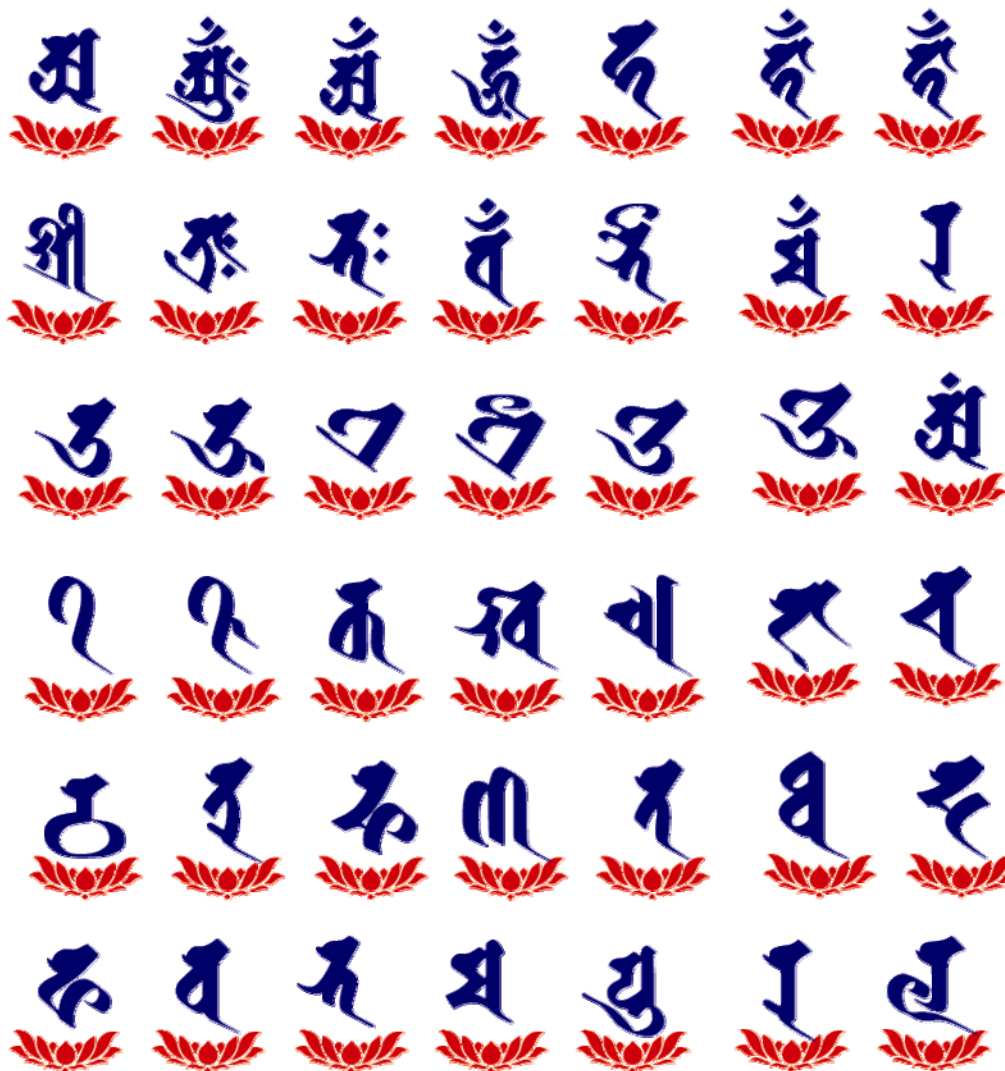


PHẬT LỊCH 2555

MẪU TỰ PHẠN TRONG CÁC KINH



Biên dịch: HUYỀN THANH

42 TỰ MẪU TRONG BỘ ĐẠI BÁT NHÃ

Này **Tu Bồ Đề** (Subhùti)! **Ma Ha Diễn** (Mahàyàna: Đại Thừa) của **Đại Bồ Tát**, nghĩa là *các chữ Nhập Môn* (vào cửa) của nhóm chữ nhóm lời nói.

Thế nào là các chữ Nhập Môn (vào cửa) của nhóm chữ nhóm lời nói ?

- 1_ A Tự Môn (**𑖀** _ A) là tất cả Pháp ban đầu **chẳng sinh** (Anutpàda)
- 2_ LA Tự Môn (**𑖡** _ RA) là tất cả Pháp **liạ đơ bản** (Rajas)
- 3_ BA Tự Môn (**𑖢** _ PA) là **Nghĩa bậc nhất** (Paramàrtha) của tất cả Pháp
- 4_ GIÀ Tự Môn (**𑖣** _ CA) là tất cả Pháp **cuối cùng** (?Carāṇa: bàn chân) chẳng thể được. Cho nên các Pháp chẳng kết thúc, chẳng sinh ra
- 5_ NÁ Tự Môn (**𑖤** _ NA) là các Pháp liạ **tên gọi** (Nāma: Danh). Tính Tướng chẳng được, chẳng mất
- 6_ LA Tự Môn (**𑖥** _ LA) là các Pháp vượt qua **Thế Gian** (Laukika), cũng ưa thích **diệt Chi Nhân Duyên**
- 7_ ĐÀ Tự Môn (**𑖦** _ DA) là các Pháp **sinh Tâm tốt lành** (Ku'sala-citta), cũng là tướng **ban cho** (Thí: Dāna)
- 8_ BÀ Tự Môn (**𑖧** _ BA) là các Pháp, liạ **chữ Bà** (cột trói: Bandha)
- 9_ ĐỒ Tự Môn (**𑖨** _ DA) là các Pháp, **chữ Đồ** (ḍamara: oán địch) trong sạch
- 10_ SA Tự Môn (**𑖩** _ SA) là **sáu Tự Tại Vương Tính** (Ṣaḍe'svara-ràjatà) của các Pháp trong sạch.
- 11_ HOÀ Tự Môn (**𑖪** _ VA) là vào Pháp, **cắt đứt đường nói năng** (Vāc: ngữ ngôn)
- 12_ ĐA Tự Môn (**𑖫** _ TA) là vào các Pháp, **Như Tướng** (?Tathatā: Tính Như Như) chẳng lay động
- 13_ DẠ Tự Môn (**𑖬** _ YA) là vào các Pháp, **như thật** (Yathā-bhùta) chẳng sinh
- 14_ TRA Tự Môn (**𑖭** _ STA) là vào các Pháp **chiết phục** (Kaṣṭa: huỷ hoại cái gì đó) chẳng thể được.
- 15_ CA Tự Môn (**𑖮** _ KA) là vào các Pháp, **người tạo tác** (kāraka: Tác giả) chẳng thể được.
- 16_ SA Tự Môn (**𑖯** _ SA) là vào các Pháp **Thời** (Samaya: phần vị của sát na sinh diệt) chẳng thể được, vì **Thời** của các Pháp lại chuyển.
- 17_ MA Tự Môn (**𑖰** _ MA) là vào các Pháp **Ngã Sở** (Mama-kāra) chẳng thể được.
- 18_ GIÀ Tự Môn (**𑖱** _ GA) là vào các Pháp, **người rời đi** (Gati: khứ giả) chẳng thể được.
- 19_ THA Tự Môn (**𑖲** _ THA) là vào các Pháp, **trụ xứ** (sthāna: xứ) chẳng thể được

- 20_ XÀ Tự Môn (𑀧𑀸 _ JA) là vào các Pháp, **sinh** (Jàti) chẳng thể được
- 21_ BẢ Tự Môn (𑀧𑀺_SVA) là vào các Pháp, **chữ Bả** (Svaha: an định, an ổn tốt lành) chẳng thể được.
- 22_ ĐÀ Tự Môn (𑀧𑀻_DHA) là vào các **Pháp Tính** (Dharmatà) chẳng thể được.
- 23_ XA Tự Môn (𑀧𑀼_SA_𑀧𑀻) là vào các Pháp, **an định** ('Santi: vắng lặng) chẳng thể được.
- 24_ KHƯ Tự Môn (𑀧𑀽_KHA) là vào các Pháp, **Hư Không** (Kha: thuộc về hư không, hư không xứ) chẳng thể được
- 25_ XOA Tự Môn (𑀧𑀾_KṢA) là vào các Pháp, **dứt hết** (tận: Kṣaya) chẳng thể được
- 26_ ĐA Tự Môn (𑀧𑀿_STA) là vào các Pháp, **sự Có** (? Stabhàya: cố định) chẳng thể được
- 27_ NHƯỢC Tự Môn (𑀧𑀿_NĀ) là vào các Pháp, **Trí** (Jñàna) chẳng thể được.
- 28_ THA Tự Môn (𑀧𑀿_RTHA) là vào các Pháp, chữ **Tha** (nghĩa lợi: Artha) chẳng thể được.
- 29_ BÀ Tự Môn (𑀧𑀿_BHA) là vào các Pháp, **phá hoại** (Bhamja) chẳng thể được.
- 30_ Xa Tự Môn (𑀧𑀿_CHA) là vào các Pháp, **ham muốn** (Dục: chanda) chẳng thể được. Cho nên như **bóng ảnh** (chàya), **năm Uẩn** (Pañca-skandha) cũng chẳng thể được.
- 31_ MA Tự Môn (𑀧𑀿_SMA) là vào các Pháp, **chữ Ma** (Smara: nghĩ nhớ) chẳng thể được.
- 32_ HOẢ Tự Môn (𑀧𑀿_HVA) là vào các Pháp, **kêu gọi** (Hvayati) chẳng thể được.
- 33_ TA Tự Môn (𑀧𑀿_TSA) là vào các Pháp, **chữ TA** (màtsarya: keo kiệt, ganh ty) chẳng thể được.
- 34_ GIÀ Tự Môn (𑀧𑀿_GHA) là vào các Pháp, **sâu dầy** (? Ghana: nhất hợp) chẳng thể được.
- 35_ THA Tự Môn (𑀧𑀿_THA) là vào các Pháp, **trụ xứ** (sthàna:xứ) chẳng thể được [?**sự trưởng dưỡng** (viṭhapana: nuôi lớn) của các Pháp chẳng thể được].
- 36_ NOA Tự Môn (𑀧𑀿_NA) là các Pháp *chẳng đến, chẳng đi, chẳng đứng, chẳng ngồi, chẳng nằm.*
- 37_ PHẢ Tự Môn (𑀧𑀿_PHA) là vào các Pháp, **cùng khắp** (Sphara) chẳng thể được.
- 38_ CA Tự Môn (𑀧𑀿_SKA) là vào các Pháp, **tụ hợp** (Skambha: cột chống giữ) chẳng thể được.

39_ TA Tự Môn (𑖠_YSA) là vào các Pháp, **chữ Ta** (Ysa-kàra: Đọc chữ YSA sẽ hiểu rõ Tính Tướng **suy yếu, già nua** của tất cả Pháp) chẳng thể được.

40_ GIÁ Tự Môn (𑖂_SCA) là vào các **Pháp Hành** ('Scam: động giải) chẳng thể được.

41_ TRA Tự Môn (𑖃_TA) là vào các Pháp, **thúc ép** (Paṭaya_ Chia rẽ, vụn bẻ) chẳng thể được.

42_ TRÀ Tự Môn (𑖄_DHA) là vào các Pháp, **nơi cùng tận của bờ mé** (?ḍhaṅka: cầm giữ) cho nên chẳng kết thúc, chẳng sinh ra. Vượt qua điều hại, không có chữ có thể nói.

Tại sao thế ? Vì thay phiên nhau không có chữ, cho nên các chữ không có ngăn ngại, không có tên gọi cũng tan mất, chẳng thể nói, chẳng thể bày, chẳng thể thấy, chẳng thể viết chép.

Này Tu Bồ Đề ! Nên biết tất cả các Pháp như hư không.

Tu Bồ Đề ! Đấy gọi là **Đà La Ni Môn**, là nghĩa của chữ A

KINH HOA NGHIÊM _PHẨM NHẬP PHÁP GIỚI_

Thời vị Đồng Tử ấy bảo Thiện Tài rằng:” Ta được giải thoát của Bồ Tát gọi là THIÊN TRI CHÚNG NGHỆ. Ta hằng xướng trì, nhập vào chữ của giải thoát căn bản này.

1) Chữ A (A_ 𑖀) thời gọi là do uy đức của Bồ Tát nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **cảnh giới vô sai biệt**, ngộ tất cả Pháp vốn chẳng sinh.

2) Chữ LA (RA_ 𑖣) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **vô biên tế sai biệt**, ngộ tất cả Pháp là bụi dơ.

3) Chữ BẢ (PA_ 𑖥) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **Pháp giới tế**, ngộ tất cả Pháp Thắng nghĩa Đế chẳng thể đắc.

4) Chữ TẢ (CA_ 𑖨) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **Phổ Luân đoạn sai biệt**, ngộ tất cả Pháp không có các hành.

5) Chữ NẮNG (NA_ 𑖪) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **Vô A lại gia Tế**, ngộ tất cả Pháp Tính Tướng chẳng thể đắc.

6) Chữ LA (LA_ 𑖬) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **Vô Cấu**, ngộ tất cả Pháp xuất thế gian nên ưa thích sự vĩnh viễn chẳng hiện của CHI NHÂN DUYÊN.

7) Chữ NÁ (DA_ 𑖰) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **Bất thoái chuyển gia hạnh**, ngộ tất cả Pháp điều phục tịch tĩnh Chân Như bình đẳng không có phân biệt.

8) Chữ MA (BA_ 𑖴) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **Kim Cương Trường**, ngộ tất cả Pháp là cột , giải.

9) Chữ NOA (𑖶A_ 𑖶) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **Phổ Biến Luân**, ngộ tất cả Pháp là nóng bức ô ược, được mát mẻ trong sạch.

10) Chữ SÁI (𑖸A_ 𑖸) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **Hải Tạng**, ngộ tất cả Pháp không có trở ngại.

11) Chữ PHỘC (VA_ 𑖺) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **Phổ Biến sinh an trú**, ngộ tất cả Pháp cắt đứt đường ngôn ngữ.

12) Chữ ĐA (TA_ 𑖼) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **Chiếu Diệu trần cấu**, ngộ tất cả Pháp Chân Như bất động.

13) Chữ DÃ (YA_ 𑄎) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **Sai Biệt tích tụ**,ngộ tất cả Pháp Như Thật chẳng sinh.

14) Chữ SẮT-TRA (SṬA _ 𑄎) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **Phổ biến quang minh tức trừ nhiệt não**,ngộ tất cả Pháp về tướng chế phục nhậm trì chẳng thể đắc.

15) Chữ CA (KA _ 𑄎) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **Sai biệt chủng loại** ,ngộ tất cả Pháp Tác Giả chẳng thể đắc.

16) Chữ SA (SA _ 𑄎) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **Hiện tiền giáng hoắc đại vũ**, ngộ tất cả Pháp THỜI bình đẳng tính chẳng thể đắc.

17) Chữ MÃNG (MA _ 𑄎) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **Đại tấn tạt chúng phong**, ngộ tất cả Pháp Ngã sở chấp tính chẳng thể đắc.

18) Chữ NGA (GA _ 𑄎) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **Phổ biến luân trưởng dưỡng**, ngộ tất cả Pháp Hành thủ tính chẳng thể đắc.

19) Chữ THA (THA_ 𑄎) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **Chân Như vô sai biệt** , ngộ tất cả Pháp xứ sở chẳng thể đắc.

20) Chữ NHA (JA _ 𑄎) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **Thế gian lưu chuyển cùng nguyên thanh tịnh**, ngộ tất cả pháp Năng sở sinh khởi chẳng thể đắc.

21) Chữ SA-PHỘC (SVA_ 𑄎) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **Niệm nhất thiết Phật trang nghiêm**, ngộ tất cả Pháp an ẩn tính chẳng thể đắc.

22) Chữ ĐÀ (DHA_ 𑄎) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **Quán sát pháp giới đạo trường**, ngộ tất cả Pháp Năng trì giới tính chẳng thể đắc.

23) Chữ XÃ ('SA_ 𑄎) thời nhập vào Môn Bát nhã Ba La Mật của **Tùy thuận nhất thiết Phật giáo**, ngộ tất cả Pháp tịch tĩnh tính chẳng thể đắc.

24) Chữ KHƯ (KHA _ 𑄎) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **Hiện hành nhân địa Trí Tuệ Tạng**, ngộ tất cả Pháp như hư không tính chẳng thể đắc.

25) Chữ KHẮT-SÁI (KṢA _ 𑄎) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **Quyết trạch tức chư nghiệp hải Tạng**, ngộ tất cả Pháp cùng tận tính chẳng thể đắc.

26) Chữ ĐA-SA (STA _ 𑖦) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **Tôi chư thiền nào thanh tịnh quang minh**, ngộ tất cả Pháp Nhậm trì xứ phi xứ linh bất động chuyển tính chẳng thể đắc.

27) Chữ NUÔNG (ÑA _ 𑖦) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **Sinh thế gian liễu biệt**, ngộ tất cả Pháp Năng sở tri tính chẳng thể đắc.

28) Chữ LA-THA (RTHA _ 𑖦) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **Nghịch sinh tử luân trí đạo trường**, ngộ tất cả Pháp Chấp trước nghĩa tính chẳng thể đắc.

29) Chữ BÀ (BHA _ 𑖦) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **Nhất thiết cung điện đạo trường trang nghiêm**, ngộ tất cả Pháp khả phá hoại tính chẳng thể đắc.

30) Chữ THA (CHA _ 𑖦) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **Tu Hành gia hạnh tạng tận sai biệt đạo trường**, ngộ tất cả Pháp Dục lạc phú tính chẳng thể đắc.

31) Chữ SA-MA (SMA _ 𑖦) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **Hiện kiến thập phương chư Phật tuyên**, ngộ tất cả Pháp Khả ức niệm tính chẳng thể đắc.

32) Chữ HA-PHỘC (HVA _ 𑖦) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **Quán sát nhất thiết chúng sinh kham nhậm lực biến sinh hải tạng**, ngộ tất cả Pháp Khả hô triệu tính chẳng thể đắc.

33) Chữ ĐÁ-SA (TSA _ 𑖦) thời nhập vào Môn Bát Nhã ba La Mật của **Nhất thiết công đức hải thú nhập tu hành nguyên đế**, ngộ tất cả Pháp Dững kiện tính chẳng thể đắc.

34) Chữ GIÀ (GHA _ 𑖦) thời nhập vào Môn bát nhã Ba La mật của **Trì Nhất thiết Pháp vân kiên cố hải tạng**, ngộ tất cả Pháp Hậu bình đẳng tính chẳng thể đắc.

35) Chữ XÁ (𑖦 THA _ 𑖦) thời nhập vào Môn bát nhã Ba La Mật của **Nguyện vãng nghệ thập phương hiện tiền kiến nhất thiết Phật**, ngộ tất cả Pháp tích tập tính chẳng thể đắc.

36) Chữ NINH (NA _ 𑖦) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **Tự luân tích tập câu chi tự**, ngộ tất cả Pháp lia các huyễn thỉnh vô vãng vô lai hành trú tọa ngộ chẳng thể đắc.

37) Chữ PHẢ (PHA_ 𑖓) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **Thành thực nhất thiết chúng sinh tế vãng nghệ Đạo Trường**, ngộ tất cả Pháp biến mãn quả báo chẳng thể đắc.

38) Chữ XA-CA (SKA _ 𑖔) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **Vô trước vô ngại giải thoát Địa Tạng quang minh luân phổ chiếu** , ngộ tất cả Pháp tích tụ uẩn tính chẳng thể đắc.

39) Chữ DÃ-SA (YSA_ 𑖕) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **Tuyên thuyết nhất thiết Phật Pháp cảnh giới**, ngộ tất cả Pháp suy lão tính tướng chẳng thể đắc.

40) Chữ THẮT-TẢ (‘SCA_ 𑖖) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **tất cả hư không dùng Pháp vân lô chán hống phổ chiếu**, ngộ tất cả Pháp Tự tập tức tích chẳng thể đắc.

41) Chữ TRA (ᲚA _ 𑖗) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **Vô ngã lợi ích chúng sinh cứu cánh biên tế**, ngộ tất cả Pháp tướng khu bách (thúc ép) tính chẳng thể đắc.

42) Chữ TRÀ (DHA _ 𑖘) thời nhập vào Môn Bát Nhã Ba La Mật của **Pháp luân vô sai biệt tạng**, ngộ tất cả Pháp cứu cánh xứ sở chẳng thể đắc.

Thiện nam tử ! Ta xưng như vậy lúc nhập vào các chữ căn bản giải thoát thời 42 chữ Bát Nhã Ba La Mật này làm đầu , nhập vào vô lượng vô số Môn Bát Nhã Ba La Mật.

𑖀𑖑𑖒𑖓𑖔𑖕
 𑖖𑖗𑖘𑖙𑖚𑖛
 𑖜𑖝𑖞𑖟𑖠𑖡
 𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧
 𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯

*) A RA PA CA NA LA DA BA
 DA SA VA TA YA ṢṬA KA SA
 MA GA THA JA SVA DHA ‘SA KHA
 KṢA STA ÑA RTHA BHA CHA SMA HVA
 TSA GHA ṬHA NA PHA SKA YSA ‘SCA ṬA DHA.

VIÊN MINH TỰ LUÂN ĐỒ



_ 42 tay tương ứng với 42 Tự Mẫu là:

- 1) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ A (A_ ॐ) thời hiện ra tay **Hóa Phật**, ngộ tất cả Pháp *vốn chẳng sinh*.
- 2) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ LA (RA_ ॐ) thời hiện ra tay cầm cái **Gương báu**, ngộ tất cả Pháp *lìa bụi dơ*.
- 3) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ BÀ (PA_ ॐ) thời hiện ra tay cầm quyển Kinh **Bát Nhã**, ngộ tất cả Pháp *Thắng Nghĩa Đế chẳng thể đắc*.
- 4) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ TẢ (CA_ ॐ) thời hiện ra tay cầm **Hoa Sen tím**, ngộ tất cả Pháp *không có các Hành, không có sinh tử*.
- 5) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ NẮNG (NA_ ॐ) thời hiện ra tay cầm viên ngọc Như Ý (**Ma Ni Châu**), ngộ tất cả Pháp *Tính Tướng chẳng thể đắc*.
- 6) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ LA (LA_ ॐ) thời hiện ra tay cầm **Hoa Sen xanh**, ngộ tất cả Pháp *Xuất Thế Gian nên ưa thích sự vĩnh viễn chẳng hiện của CHI NHÂN DUYÊN*.
- 7) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ NÁ (DA_ ॐ) thời hiện ra tay cầm **cây Búa báu**, ngộ tất cả Pháp *điều phục tịch tĩnh Chân Như bình đẳng không có phân biệt*.
- 8) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ MA (BA_ ॐ) thời hiện ra tay cầm **Chày Độc Cổ Kim Cương**, ngộ tất cả Pháp *lìa cột giải*.

9) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ NOA (ĐA _ 𑖓) thời hiện ra tay cầm **nhành Dương Liễu**, ngộ tất cả Pháp *lìa nóng bức ô uế, được mát mẻ trong sạch.*

10) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ SÁI (SA _ 𑖓) thời hiện ra tay **Vô Úy Dữ Nguyên**, ngộ tất cả Pháp *không có trở ngại.*

11) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ PHỘC (VA_ 𑖓) thời hiện ra tay cầm cái **Chuông báu**, ngộ tất cả Pháp *cắt đứt đường ngôn ngữ.*

12) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ ĐA (TA_ 𑖓) thời hiện ra tay cầm Bánh Xe Kim Cương (**Kim Cương Luân**), ngộ tất cả Pháp *Chân Như bất động.*

13) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ DÃ (YA_ 𑖓) thời hiện ra tay cầm **Tràng Hạt** (Sổ Châu), ngộ tất cả Pháp *Như Thật chẳng sinh.*

14) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ SẮT-TRA (SṬA _ 𑖓) thời hiện ra tay cầm **chùm Bồ Đào**, ngộ tất cả Pháp về tướng *Chế Phục Nhậm Trì chẳng thể đắc.*

15) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ CA (KA _ 𑖓) thời hiện ra tay **Xả Ma Tha** (tay trái), ngộ tất cả Pháp *Tác Giả chẳng thể đắc.*

16) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ SA (SA _ 𑖓) thời hiện ra tay **Tỳ Bát Sa Ma** (Tay phải), ngộ tất cả Pháp *THỜI Bình Đẳng Tính chẳng thể đắc.*

Hai tay này biểu thị cho Lý Trí kết thành **Định Ấn**, bên trên Ấn có đặt cái **Bình Bát báu**.

17) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ MÃNG (MA _ 𑖓) thời hiện ra tay cầm **cây Phất Trần trắng**, ngộ tất cả Pháp *Ngã Sở Chấp Tính chẳng thể đắc.*

18) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ NGA (GA _ 𑖓) thời hiện ra tay cầm cái Vòng Ngọc (**Ngọc Hoàn**), ngộ tất cả Pháp *Hành Thủ Tính chẳng thể đắc.*

19) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ THA (THA_ 𑖓) thời hiện ra tay cầm cái rương báu (**Bảo Khiếp**), ngộ tất cả Pháp *xử sở chẳng thể đắc.*

20) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ NHA (JA _ 𑖓) thời hiện ra tay cầm **Hoa Sen hồng**, ngộ tất cả Pháp *Năng Sở sinh khởi chẳng thể đắc.*

21) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ SA-PHỘC (SVA_ 𑖓) thời hiện ra tay cầm **Sợi Dây** (Quyển Sách), ngộ tất cả Pháp *An Ẩn Tính chẳng thể đắc.*

22) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ ĐÀ (DHA_ 𑖓) thời hiện ra tay cầm **Nhật Tinh Ma Ni**, ngộ tất cả Pháp *Năng Trì Giới Tính chẳng thể đắc.*

23) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ XẢ ('SA_ 𑖓) thời hiện ra tay cầm **Nguyệt Tinh Ma Ni**, ngộ tất cả Pháp *Tịch Tĩnh Tính chẳng thể đắc.*

24) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ KHƯ (KHA _ 𑖓) thời hiện ra tay cầm **Bàng Bài**, ngộ tất cả Pháp *Như Hư Không Tính chẳng thể đắc.*

25) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ KHẮT-SÁI (KṢA _ 𑖓) thời hiện ra tay cầm cây **Tích Trượng**, ngộ tất cả Pháp *Cùng Tận Tính chẳng thể đắc.*

26) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ ĐA-SA (STA _ 𑖔) thời hiện ra tay cầm **Cung Điện báu**, ngộ tất cả Pháp *Nhậm Trì Xứ Phi Xứ khiến cho Tính Bất Động chuyển chẳng thể đắc.*

27) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ NƯƠNG (ÑA _ 𑖕) thời hiện ra tay cầm **Trí Ấn**, ngộ tất cả Pháp *Năng Sở Trì Tính chẳng thể đắc.*

28) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ LA-THA (RTHA_ 𑖖) thời hiện ra tay cầm cây **Gậy Đầu Lô**, ngộ tất cả Pháp *Chấp Trước Nghĩa Tính chẳng thể đắc.*

29) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ BÀ (BHA_ 𑖗) thời hiện ra tay cầm cây **kiếm báu**, ngộ tất cả Pháp *Khả Phá Hoại Tính chẳng thể đắc.*

30) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ THA (CHA_ 𑖘) thời hiện ra tay cầm cái **Hồ Bình**, ngộ tất cả Pháp *Dục Lạc Phú Tính chẳng thể đắc.*

31) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ SA-MA (SMA _ 𑖙) thời hiện ra tay cầm **Hoa Sen trắng**, ngộ tất cả Pháp *Khả Ưc Niệm Tính chẳng thể đắc.*

32) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ HA-PHỘC (HVA _ 𑖚) thời hiện ra tay cầm **Thiết Câu**, ngộ tất cả Pháp *Khả Hộ Triệu Tính chẳng thể đắc.*

33) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ ĐÁ-SA (TSA _ 𑖛) thời hiện ra tay cầm **Bạt Chiết La**, ngộ tất cả Pháp *Dũng Kiện Tính chẳng thể đắc.*

34) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ GIÀ (GHA_ 𑖜) thời hiện ra tay **Từ Niệm Định** (tay trái), ngộ tất cả Pháp *Nguyên (cái nguồn) Bình Đẳng Tính chẳng thể đắc.*

35) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ XÁ (ṬHA_ 𑖝) thời hiện ra tay **Bi Niệm Tuệ** (tay phải), ngộ tất cả Pháp *Tích Tập Tính chẳng thể đắc.*

Hai tay Định Tuệ này hợp thành **Liên Chương** an trước ngực.

36) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ NINH (NA_ 𑖞) thời hiện ra tay cầm cây **Kích Sao**, ngộ tất cả Pháp *lià các Huyền Thỉnh Vô Vãng Vô Lai Hành Trụ Tọa Ngọa (Không qua không lại, đi đứng ngồi nằm) chẳng thể đắc.*

37) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ PHẢ (PHA_ 𑖟) thời hiện ra tay cầm cây **Cung báu**, ngộ tất cả Pháp *Biến Mãn Quả Báo chẳng thể đắc.*

38) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ XA-CA (SKA _ 𑖠) thời hiện ra tay cầm **Mũi Tên báu**, ngộ tất cả Pháp *Tích Tụ uẩn Tính chẳng thể đắc.*

39) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ chữ DÃ-SA (YSA_ 𑖡) thời hiện ra tay cầm cái **Bình Quân Trì**, ngộ tất cả Pháp *Suy Lão Tính Tướng chẳng thể đắc.*

40) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ THẮT-TẢ ('SCA_ 𑖢) thời hiện ra tay cầm đám **Mây Ngũ Sắc**, ngộ tất cả Pháp *Tụ Tập Tích chẳng thể đắc.*

41) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ TRA (ṬA _ 𑖣) thời hiện ra tay **Định** (tay trái), ngộ tất cả Pháp *Tướng Khu Bách (thúc ép) Tính chẳng thể đắc.*

42) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ TRÀ (DHA _ 𑖤) thời hiện ra tay **Tuệ** (tay phải), ngộ tất cả Pháp *Cứu Cánh Xứ Sở chẳng thể đắc.*

Hai tay Định Tuệ này hợp đưa lên trên đỉnh đầu an vị Hóa Phật thành tay **Đỉnh Thượng Hóa Phật .**

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

VĂN TỰ

PHẨM THỨ MƯỜI BA

Đức Phật bảo **Ca Diếp** (Mahā-kāśyapa): “Hết thảy mọi loại Dị Luận, Chú Thuật, ngôn ngữ, văn tự đều là Phật nói, chẳng phải là Ngoại Đạo nói”

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Đức Như Lai nói **căn bản của Chữ** như thế nào?”

Đức Phật nói: “Này Thiện Nam Tử! Mới đầu nói **Bán Tự** (Theo Phạm Ngữ Siddham thì 16 Nguyên Âm và 35 Phụ Âm chưa thành chữ hoàn toàn, do nghĩa chưa đầy đủ nên nói là **Bán Tự**) dùng làm căn bản giữ gìn Pháp thật của Ký Luận, Chú Thuật, Văn Chương, các Uẩn. Người phạm phu học **gốc của chữ** (tự bản) đấy, sau đó có thể biết là **Pháp** (Dharma) hay **Phi Pháp** (Adharma)”

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Chữ đã nói ấy có nghĩa như thế nào?”

Này Thiện Nam Tử! Có 14 Âm gọi là nghĩa của chữ. Chữ đã nói gọi là **Niết Bàn** (Nirvāṇa). Do là **thường** cho nên **chẳng tuôn chảy** (bất lưu). Nếu chẳng tuôn chảy tức là **không có cùng tận** (vô tận). Phạm không có cùng tận tức là thân Kim Cương của Như Lai

14 Âm đấy gọi là gốc của chữ

A ngắn (𑖀:A) là chẳng phá hoại. Chẳng phá hoại gọi là Tam Bảo, ví như Kim Cương

Lại nữa **A** (𑖀:A) là **chẳng tuôn chảy**. Chẳng tuôn chảy tức là Như Lai. Do chín khiểu của Như Lai không có chỗ tuôn chảy, nên đấy là **chẳng tuôn chảy** (bất lưu). Lại không có chín khiểu, thế nên chẳng tuôn chảy. Chẳng tuôn chảy tức là **thường**, thường tức là Như Lai, Như Lai không có tạo làm. Chính vì thế cho nên chẳng tuôn chảy.

Lại nữa, **A** (𑖀:A) gọi là **Công Đức**. Công Đức tức là Tam Bảo. Chính vì thế cho nên gọi là **A** (𑖀:A)

Tiếp đến **A dài** (𑖀:Ā) gọi là **A Xà Lê** (Ācārye). Nghĩa của A Xà Lê được nói ra sao? Ở trong Thế Gian được gọi là **bậc Thánh** (Ārya). **Thánh** gọi là không có dính mắc, ít ham muốn, biết đủ cũng gọi là Thanh Tịnh, hay cứu độ chúng sinh ở biển lớn sinh tử đang lưu chuyển trong **ba cõi** (tam hữu). Đấy gọi là Thánh

Lại nữa **A** (𑖀:Ā) gọi là **Chế Độ**. Tu trì Tịnh Giới, tùy thuận Uy Nghi

Lại nữa **A** (𑖀:Ā) gọi là y theo Thánh Nhân tương ứng học Uy Nghi, tiến tới, dừng lại, cử động, cúng dường, cung kính, lễ bái **ba Tôn**, hiếu dưỡng cha mẹ với học **Đại Thừa** (Mahā-yāna). Nhóm nam nữ hiền thiện giữ gìn đủ Cẩm Giới với các hàng Bồ Tát Ma Ha Tát thì gọi là Thánh Nhân.

Lại nữa **A** (𑖀:Ā) gọi là **đạy bảo** (giáo hối) như nói: “Các người nên làm như vậy, đừng làm như vậy”. Nếu có thể ngăn chặn Pháp chẳng phải là Uy Nghi thì gọi là Thánh Nhân. Chính vì thế cho nên gọi là **A** (𑖀:Ā)

Y ngắn (𑖀:I) tức là Phật Pháp. Phạm Hạnh rộng lớn, trong sạch không dơ bẩn, ví như trắng đầy. Các người nên làm như vậy, chẳng làm như vậy, nghĩa này là

đúng (thị nghĩa), nghĩa này là sai (phi nghĩa), đây là **Phật** (Buddha) nói, đây là **Ma** (Māra) nói. Chính vì thế cho nên gọi là **Y** (𑖦:I)

_Y dài (𑖦:Ī) là Phật Pháp vi diệu thâm sâu khó được như Pháp của **Tự Tại Thiên** (Maheśvara), **Đại Phạm Thiên Vương** (Mahā-brahma-deva-rāja) gọi là **Tự Tại** (Īsvara). Nếu người hay gìn giữ tức gọi là **Hộ Pháp** (Dharma-pāla). Lại **Tự Tại** (Īsvara) gọi là **bốn vị Hộ Thế** (tức bốn vị Thiên Vương), **bốn vị Tự Tại** đây liền hay nhiếp hộ kinh Đại Niết Bàn, cũng hay tự tại phô bày tuyên nói.

Lại nữa **Y** (𑖦:Ī) là hay vì chúng sinh, tự tại nói Pháp

Lại nữa **Y** (𑖦:Ī) là vì tự tại cho nên nói: “Nhóm nào là đúng vậy? Ấy là tu tập Kinh Điển **Phương Đẳng** (Vaipulya)”.

Lại nữa **Y** (𑖦:Ī) là vì chặt đứt sự ganh ghét đố kỵ như trừ bỏ cỏ dơ, thấy đều hay khiến cho biến thành điều tốt lành. Chính vì thế cho nên gọi là **Y** (𑖦:Ī)

_Ưu ngắn (𑖦:U) là Tối Thượng, Tối Thắng, Tăng Trưởng, Thượng Thượng ở trong các Kinh. Nói là **Đại Niết Bàn** (Mahā-nirvāṇa)

Lại nữa, **Ưu** (𑖦:U) là Tính của Như Lai; nơi mà hàng Thanh Văn Duyên Giác chưa từng nghe biết như trong tất cả nơi chốn thì **Bắc Uất Đan Việt** (Uttara-kuru: Bắc Câu Lô Châu) là nơi thù thắng cao nhất. Nếu Bồ Tát hay nghe nhận Kinh đây thì ở tất cả Chúng là tối thượng tối thắng. Chính vì thế cho nên gọi là **Ưu** (𑖦:U)

_Ưu dài (𑖦:Ū) ví như sữa bò là vị hơn hết trong các mùi vị. Tính của Như Lai cũng lại như vậy, ở trong các Kinh là tối tôn tối thượng. Nếu có kẻ phỉ báng thì nên biết người đây cùng với loài bò không có khác

Lại nữa **Ưu** (𑖦:Ū) là người đây gọi là không có Tuệ Chính Niệm, phỉ báng Tạng kín đáo vi mật của Như Lai. Nên biết người đây rất đáng tương xót, xa lìa **Tạng bí mật của Như Lai** nói không có **Ngã, Pháp**. Chính vì thế cho nên gọi là **Ưu** (𑖦:Ū)

_Yên (𑖦:E) tức là chư Phật, Pháp Tính, Niết Bàn. Chính vì thế cho nên gọi là **Yên** (𑖦:E)

_Dã (𑖦:AI) là nghĩa của Như Lai

Lại nữa, **Dã** (𑖦:AI) là Như Lai tiến tới, dừng lại, co thân, cử động...không có điều gì chẳng lợi ích cho tất cả chúng sinh. Chính vì thế cho nên gọi là **Dã** (𑖦:AI)

_Ô (𑖦:O) là nghĩa của phiền não. Phiền não gọi là các **sự chảy rỉ** (Āsrava:lậu). Như Lai chặt đứt hẳn tất cả Phiền não, chính vì thế cho nên gọi là **Ô** (𑖦:O)

_Pháo (𑖦:AU) là nghĩa của Đại Thừa, ở trong 14 Âm là nghĩa cứu cánh. Kinh Điển Đại Thừa cũng lại như vậy đối với các Kinh Luận là cứu cánh cao nhất. Chính vì thế cho nên gọi là **Pháo** (𑖦:AU)

Am (𑖦:AM) là hay ngăn chặn tất cả các vật chẳng sạch, ở trong Phật Pháp hay buông bỏ tất cả vàng, bạc, vật báu. Chính vì thế cho nên gọi là **Am** (𑖦:AM)

A (𑖦:Aḥ) nghĩa là **Thắng Thừa**. Tại sao thế? Vì Kinh Đại Niết Bàn của Đại Thừa Điển này ở trong các Kinh là tối thắng cao nhất. Chính vì thế cho nên gọi là **A** (𑖦:Aḥ)

Ca (𑖦:KA) là đối với các chúng sinh khởi Đại Từ Bi, sinh tướng như đối với đứa con như **La Hầu La** (Rāhula) làm điều nghĩa thiện tốt đẹp. Chính vì thế cho nên gọi là **Ca** (𑖦:KA)

Khur (𑖦:KHA) gọi là bạn chẳng tốt lành. Bạn chẳng tốt lành gọi là tạo ố, chẳng tin Tạng bí mật của Như Lai. Chính vì thế cho nên gọi là **Khur** (𑖦:KHA)

Già (𑖦:GA) gọi là **Tạng** (Garbha). Tạng tức là Bí Tạng của Như Lai, tất cả chúng sinh đều có **Phật Tính** (Buddhatā). Chính vì thế cho nên gọi là **Già** (𑖦:GA)

Già âm đọc nặng (𑖦:GHA) là âm điệu chính thường (thường âm) của Như Lai. Nhóm nào gọi là âm điệu chính thường của Như Lai? Ấy là sự thường trụ chẳng biến đổi của Như Lai. Chính vì thế cho nên gọi là **Già** (𑖦:GHA)

Nga (𑖦:ṆA) là tướng phá hoại của tất cả các Hành. Chính vì thế cho nên gọi là **Nga** (𑖦:ṆA)

Già (𑖦:CA) tức là **tuân theo lễ nghĩa** (tu nghĩa). Do điều phục tất cả các chúng sinh cho nên gọi là tuân theo lễ nghĩa. Chính vì thế cho nên gọi là **Già** (𑖦:CA)

Xa (𑖦:CHA) là Như Lai che chở giúp đỡ cho tất cả chúng sinh ví như **cái lọng lớn** (Mahā-chattrā). Chính vì thế cho nên gọi là **Xa** (𑖦:CHA)

Xà (𑖦:JA) là Chính Giải Thoát, không có tướng già nua. Chính vì thế cho nên gọi là **Xà** (𑖦:JA)

Xà âm đọc nặng (𑖦:JHA) là phiền não dày kín đông đúc ví như khu rừng rậm. Chính vì thế cho nên gọi là **Xà** (𑖦:JHA)

Nhã (𑖦:ṆA) là nghĩa của Trí Tuệ, biết Tính của Pháp chân thật. Chính vì thế cho nên gọi là **Nhã** (𑖦:ṆA)

_ **Trá** (𑖇:ṬA) là ở cõi **Diêm Phù Đề** (Jambu-dvīpe) hiện nửa thân mà diễn nói Pháp, ví như nửa vành trăng. Chính vì thế cho nên gọi là **Trá** (𑖇:ṬA)

_ **Sá** (𑖇:ṬHA) là đầy đủ **Pháp Thân** (Dharma-kāya) ví như trăng đầy. Chính vì thế cho nên gọi là **Sá** (𑖇:ṬHA)

_ **Trà** (𑖇:ḌA) là vị tăng ngu si, chẳng biết **thường** (Nitya) và **Vô thường** (Anitya) ví như đức con nít. Chính vì thế cho nên gọi là **Trà** (𑖇:ḌA)

_ **Trà** âm đọc nặng (𑖇:ḌHA) là chẳng biết ân của Thầy, ví như con dê đực. Chính vì thế cho nên gọi là **Trà** (𑖇:ḌHA)

_ **Noa** (𑖇:ṆA) nghĩa là chẳng phải Thánh, ví như Ngoại Đạo. Chính vì thế cho nên gọi là **Noa** (𑖇:ṆA)

_ **Đa** (𑖇:ṬA) là Đức Như Lai ở chỗ kia bảo các Tỳ Kheo : “Hãy lia sự kinh sợ! Ta sẽ vì các ông nói Pháp vi diệu”. Chính vì thế cho nên gọi là **Đa** (𑖇:ṬA)

_ **Tha** (𑖇:ṬHA) nghĩa là **ngu si**. Chúng sinh lưu chuyển sinh tử tựa như con tằm tự ràng buộc chính mình. Chính vì thế cho nên gọi là **Tha** (𑖇:ṬHA)

_ **Đà** (𑖇:ḌA) gọi là Bồ Thí lớn (Mahā-dāna), ấy là Đại Thừa. Chính vì thế cho nên gọi là **Đà** (𑖇:ḌA)

_ **Đà** âm đọc nặng (𑖇:ḌHA) là khen ngợi Công Đức. Ấy là Tam Bảo như núi Tu Di cao đẹp rộng lớn, không có thứ gì làm cho nghiêng ngã được. Chính vì thế cho nên gọi là **Đà** (𑖇:ḌHA).

_ **Na** (𑖇:ṆA) là Tam Bảo an trụ không có nghiêng động, ví như cái then cài cửa. Chính vì thế cho nên gọi là **Na** (𑖇:ṆA)

_ **Ba** (𑖇:PA) nghĩa là điên đảo. Nếu nói Tam Bảo thấy đều diệt hết, nên biết người đẩy tự làm cho mình nghi ngờ. Chính vì thế cho nên gọi là (𑖇:PA)

_ **Phả** (𑖇:PHA) là tai vạ của Thế Gian. Nếu nói: “Khi Tai vạ của Thế Gian đầy lên thì Tam Bảo cũng dứt hết” Nên biết người đẩy ngu si, không có Trí, trái ngược đánh mất Ý Chỉ của bậc Thánh (Thánh chí). Chính vì thế cho nên gọi là **Phả** (𑖇:PHA)

Bà (𑖇:BA) gọi là mười sức mạnh của Đức Phật. Chính vì thế cho nên gọi là **Bà** (𑖇:BA)

Bà âm đọc nặng (𑖇:BHA) gọi là gánh nặng. Có thể đảm nhận gánh vác được Chính Pháp vô thượng, nên biết người đẩy là **Đại Bồ Tát**. Chính vì thế cho nên gọi là **Bà** (𑖇:BHA)

Ma (𑖇:MA) là chế độ nghiêm ngặt của các Bồ Tát. Ấy là Đại Bát Niết Bàn của Đại Thừa. Chính vì thế cho nên gọi là **Ma** (𑖇:MA)

Tà (còn đọc là **Gia**) [𑖇:YA] là các Bồ Tát ở mọi nơi chốn vì các chúng sinh nói Pháp Đại Thừa. Chính vì thế cho nên gọi là **Tà** (𑖇:YA)

La (𑖇:RA) là hay hoại tham dục, giận dữ, ngu si nói Pháp chân thật. Chính vì thế cho nên gọi là **La** (𑖇:RA)

La âm đọc nhẹ (𑖇:LA) gọi là **Thanh Văn Thừa** (Śrāvaka-yāna) động chuyên chẳng trụ, Đại Thừa an ổn không có nghiêng động, buông bỏ Thanh Văn Thừa, siêng năng tu tập Đại Thừa vô thượng. Chính vì thế cho nên gọi là **La** (𑖇:LA)

Hòa (𑖇:VA) là Như Lai Thế Tôn vì các chúng sinh tuôn con mưa Pháp lớn. Ấy là Chú Thuật, Kinh Thư của Thế Gian. Chính vì thế cho nên gọi là **Hòa** (𑖇:VA)

Xa (𑖇:SA) là xa lìa ba mũi tên (tham, sân, si). Chính vì thế cho nên gọi là **Xa** (𑖇:SA)

Sa (𑖇:SA) nghĩa là đầy đủ. Nếu hay nghe nhận Kinh Đại Niết Bàn tức là đã được nghe giữ (văn trì) tất cả Kinh Điển Đại Thừa. Chính vì thế cho nên gọi là **Sa** (𑖇:SA)

Sa (𑖇:SA) là vì các chúng sinh diễn nói Chính Pháp khiến cho Tâm vui vẻ. Chính vì thế cho nên gọi là **Sa** (𑖇:SA)

Ha (𑖇:HA) gọi là sự vui vẻ của Tâm: “Lạ thay! Đức Thế Tôn lìa tất cả Hành. Lạ thay! Đức Như Lai vào **Bát Niết Bàn**”. Chính vì thế cho nên gọi là **Ha** (𑖇:HA)

La (𑖇:RĀ) gọi là nghĩa của **Ma** (Māra). Vô lượng chư Ma chẳng thể hủy hoại Bí Tạng của Như Lai. Chính vì thế cho nên gọi là **La** (𑖇:RĀ)

Lại nữa **La** (𑖇:RĀ) cho đến hiện bày tùy thuận Thế Gian có cha mẹ, vợ con. Chính vì thế cho nên gọi là **La** (𑖇:RĀ)

Lỗ (𠄎:R), **Lâu** (𠄎:R), **Lô** (𠄎:L), **Lâu** (𠄎:L). Bốn chữ như vậy nói có bốn nghĩa là: Phật Pháp Tăng cùng với **Đôi Pháp** (Abhidharma). Nói **Đôi Pháp** là tùy thuận Thế Gian như **Đề Bà Đạt** (Deva-datta) hiện bày sự phá hoại Tăng. Hóa làm mọi loại hình mạo, sắc tượng. Vì chế ra Giới Luật cho nên kẻ Trí thấu đạt, chẳng nên đối với điều này mà sinh ra sự sợ hãi. Đây gọi là Hạnh tùy thuận Thế Gian, chính vì thế cho nên gọi là **Lỗ** (𠄎:R), **Lâu** (𠄎:R), **Lô** (𠄎:L), **Lâu** (𠄎:L).

Hơi hít vào gốc lưỡi, tùy theo tiếng của cái mũi mà tiếng dài, ngắn, vượt lên tùy theo âm giải nghĩa...đều nhân vào lưỡi, răng mà có sự sai khác. Như vậy, nghĩa của chữ hay khiến cho Khẩu Nghiệp của chúng sinh được thanh tịnh.

Phật Tính của chúng sinh tức chẳng như điều ấy nhờ vào văn tự, sau đó thanh tịnh. Tại sao thế? Vì Tính vốn trong sạch, cho nên tuy ở ngay trong **Uẩn, Giới, Nhập** nhưng chẳng đồng với **Uẩn** (Skandha), **Nhập** (Āyatana), **Giới** (Dhātu) vậy. Chính vì thế cho nên chúng sinh đều nên quy y. Các hàng Bồ Tát do Phật Tính cho nên bình đẳng nhìn chúng sinh không có sai khác.

Thế nên **Bán Tự** ở các Kinh Thư, Ký Luận, Văn Chương mà làm căn bản. Lại nghĩa của **Bán Tự** đều là gốc ngôn thuyết của phiền não, cho nên gọi là **Bán Tự**.

Mãn Tự mới là gốc ngôn thuyết của tất cả Thiện Pháp vậy. Ví như Thế Gian nói người hành điều ác được gọi là **Bán Nhân**. Người tu **Thiện Hạnh** thì gọi là **Mãn Nhân**. Như vậy tất cả Kinh Thư, Ký Luận đều nhân vào **Bán Tự** để làm căn bản.

Nếu nói Như Lai với Chính Giải Thoát nhập vào **Bán Tự** thì việc đây chẳng đúng. Tại sao thế? Vì lìa văn tự, thế nên Như Lai đối với tất cả Pháp không có ngăn ngại, không có dính mắc, chân thật được giải thoát.

Nhóm nào gọi là hiểu rõ nghĩa của chữ? Có biết Như Lai hiện ra ở đời hay diệt **Bán Tự**. Chính vì thế cho nên gọi là hiểu rõ nghĩa của chữ.

Nếu có người chạy theo nghĩa của **Bán Tự** thì người đây chẳng biết Tính của Như Lai.

Nhóm nào gọi là nghĩa của **Vô Tự** (không có chữ)? Người gần gũi tu tập **Bất Thiện Pháp** (Akusāla-dharma), đây gọi là **Vô Tự**. Lại **Vô Tự** là tuy hay gần gũi tu tập **Thiện Pháp** (Kusāla-dharma) nhưng chẳng biết **Như Lai** (Tathāgata) là **Thường** (Nitya) và **Vô Thường** (Anitya), **Hằng** và **Phi Hằng** cùng với hai báu **Pháp** và **Tăng, Luật** và **Phi Luật, Kinh** và **Phi Kinh**, Ma nói Phật nói...Nếu có người chẳng thể phân biệt như vậy thì đây gọi là theo đuổi nghĩa của **Vô Tự** vậy.

Nay Ta đã nói chạy theo nghĩa của **Vô Tự** như vậy

Này Thiện Nam Tử! Chính vì thế cho nên nay Ông nên lìa **Bán Tự**, khéo hiểu **Mãn Tự**”

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Chúng con cần phải khéo học **Tự Số** (số đếm của chữ). Nay con gặp được bậc Thầy vô thượng, đã thọ nhận sự dạy bảo ân cần của Đức Như Lai”

Đức Phật khen Ca Diếp: “Lành thay! Lành thay! Người ưa thích Chính Pháp nên học như vậy”

KINH ĐẠI TỶ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT THÂN BIẾN GIA TRÌ _ QUYỂN THỨ HAI _

VÀO MẠN TRÀ LA _ CHÂN NGÔN ĐỦ DUYÊN _ PHẨM THỨ HAI (Chi Khác)_

Này Bí Mật Chủ ! Lấy chỗ Tinh Yếu mà nói thì Nhất Thiết Trí Trí của các Như Lai là Tự Phước Trí Lực, Tự Nguyện Trí Lực của tất cả Như Lai. Lực gia trì của tất cả Pháp Giới đều tùy thuận chúng sinh y như chủng loại của chúng mà mở bày Giáo Pháp của Chân Ngôn.

Thế nào là Giáo Pháp của Chân Ngôn ?

Đó là :A Tự Môn (𑖀 _ A) là tất cả Pháp vốn chẳng sinh

A Tự Môn (𑖁 _ KA) là tất cả các Pháp là **tác nghiệp** (Kàrya)

KHU TỰ Môn (𑖂 _ KHA) là tất cả các Pháp bình đẳng như hư không chẳng thể đắc

NGA TỰ Môn (𑖃 _ GA) là tất cả **Hành** (Gati) của tất cả các Pháp đều chẳng thể đắc

GIÀ TỰ Môn (𑖄 _ GHA) là **Tướng Nhất Hợp** (Ghana) của tất cả các Pháp đều chẳng thể đắc

GIÀ TỰ Môn (𑖅 _ CA) là tất cả các Pháp là mọi **sự biến đổi** (Cyuti)

XA TỰ Môn (𑖆 _ CHA) là **ảnh tượng** (Chàyà) của tất cả các Pháp đều chẳng thể đắc

NHƯỢC TỰ Môn (𑖇 _ JA) là **sự sinh** (Jàti) của tất cả các Pháp đều chẳng thể đắc

XÃ TỰ Môn (𑖈 _ JHA) là **sự chiến địch** (Jhamala: chống nhau) của tất cả các Pháp đều chẳng thể đắc

TRA TỰ Môn (𑖉 _ TA) là **sự kiêu mạn** (taṅka: Mạn) của tất cả các Pháp đều chẳng thể đắc

ĐÀ TỰ Môn (𑖊 _ THA) là **sự trưởng dưỡng** (viṭhapana: nuôi lớn) của tất cả các Pháp đều chẳng thể đắc

NOA TỰ Môn (𑖋 _ DA) là **sự oán địch** (damara) của tất cả các Pháp đều chẳng thể đắc

TRÀ TỰ Môn (𑖌 _ DHA) là **sự chấp trì** (dhaṅka: Cầm giữ) của tất cả các Pháp đều chẳng thể đắc

ĐA TỰ Môn (𑖍 _ TA) là **Tính Như Như** (Tathatà) của tất cả các Pháp đều chẳng thể đắc

THA TỰ Môn (𑖎 _ THA) là **trụ xứ** (Sthàna) của tất cả các Pháp đều chẳng thể đắc

NÁ TỰ Môn (𑖏 _ DA) là **sự Thí** (Dàna:Đem cho) của tất cả các Pháp đều chẳng thể đắc

ĐÀ TỰ MÔN (𑄣 _ DHA) là **Pháp Giới** (Dharma-dhatu) của tất cả các Pháp đều chẳng thể đắc

BA TỰ MÔN (𑄡 _ PA) là **Đệ Nhất Nghĩa Đế** (Paramàrtha) của tất cả các Pháp đều chẳng thể đắc

PHẢ TỰ MÔN (𑄢 _ PHA) là tất cả các Pháp chẳng bền vững giống như **bọt nước** (phena)

MA TỰ MÔN (𑄤 _ BA) là **sự ràng buộc** (Bandha) của tất cả các Pháp đều chẳng thể đắc

BÀ TỰ MÔN (𑄥 _ BHA) là tất cả **sự Có** (Bhava) của tất cả các Pháp đều chẳng thể đắc

DÃ TỰ MÔN (𑄦 _ YA) là tất cả **Thừa** (Yàna) của tất cả các Pháp đều chẳng thể đắc

LA TỰ MÔN (𑄧 _ RA) là tất cả các Pháp là tất cả **bụi nhiễm dính** (Rajas)

LA TỰ MÔN (𑄨 _ LA) là tất cả **Tướng** (Lakṣṇa) của tất cả các Pháp đều chẳng thể đắc

PHỘC TỰ MÔN (𑄩 _ VA) là cắt đứt đường **Ngôn Ngữ** (Vàc) của tất cả các Pháp

XA TỰ MÔN (𑄪 _ 'SA) là Bản Tính của tất cả các Pháp đều **vắng lặng** ('Sànti)

SA TỰ MÔN (𑄫 _ ṢA) là Tính của tất cả các Pháp giống như **ngu độn** (Ṣaṭha)

SA TỰ MÔN (𑄬 _ SA) là tất cả **Đế** (Satya) của tất cả các Pháp đều chẳng thể đắc

HA TỰ MÔN (𑄭 _ HA) là **Nhân** (Hetu) của tất cả các Pháp đều chẳng thể đắc

BÍ MẬT CHỦ ! **Ngũng Nhược Noa Na Ma** (𑄮 ña, 𑄯 ña, 𑄰 ña, 𑄱 na, 𑄲 ma) đối với tất cả các Tam Muội đều được tự tại, có thể mau chóng thành biện các việc, bao nhiêu nghĩa lợi đã làm thấy đều thành tựu.”

DU GIÀ KIM CƯƠNG ĐỈNH KINH THÍCH TỰ MẪU PHẨM

- (𠄎 _ A) A Tự Môn là tất cả Pháp **vốn chẳng sinh**
- (𠄎 _ À) A Tự Môn là tất cả Pháp **tịch tĩnh** (Vắng lặng)
- (𠄎 _ I) I Tự Môn là tất cả Pháp **Căn** (Gốc rễ) chẳng thể đắc
- (𠄎 _ Ì) I Tự Môn là tất cả Pháp **tai họa** chẳng thể đắc
- (𠄎 _ U) Ổ Tự Môn là tất cả Pháp **thí dụ** chẳng thể đắc
- (𠄎 _ Û) Ô Tự Môn là tất cả Pháp **tôn diệt** chẳng thể đắc
- (𠄎 _ R) LỊ Tự Môn là tất cả Pháp **thần thông** chẳng thể đắc
- (𠄎 _ Ẹ) LÊ Tự Môn là tất cả **loại lệ** chẳng thể đắc
- (𠄎 _ L) LỮ Tự Môn là tất cả Pháp **nhhiễm** chẳng thể đắc
- (𠄎 _ Ẹ) LỮ Tự Môn là tất cả Pháp **trầm một** (chìm mất) chẳng thể đắc
- (𠄎 _ E) Ế Tự Môn là tất cả Pháp **cầu** (mong cầu) chẳng thể đắc
- (𠄎 _ AI) ÁI Tự Môn là tất cả Pháp **tự tại** chẳng thể đắc
- (𠄎 _ O) Ô Tự Môn là tất cả Pháp **bộc lưu** (dòng chảy) chẳng thể đắc
- (𠄎 _ AU) ÁO Tự Môn là tất cả Pháp **hóa sinh** chẳng thể đắc
- (𠄎 _ AM) ÁM Tự Môn là tất cả Pháp **biên tế** (bờ bến) chẳng thể đắc
- (𠄎 _ AH) ÁC Tự Môn là tất cả Pháp **viễn ly** chẳng thể đắc
- (𠄎 _ KA) CA Tự Môn là tất cả Pháp **liã tác nghiệp**
- (𠄎 _ KHA) KHU Tự Môn là tất cả Pháp **Đẳng Hư Không** chẳng thể đắc
- (𠄎 _ GA) NGA Tự Môn là tất cả Pháp **Hành** chẳng thể đắc
- (𠄎 _ GHA) GIÀ Tự Môn là tất cả Pháp **Nhất Hợp** chẳng thể đắc
- (𠄎 _ NA) NGƯỠNG Tự Môn là tất cả Pháp **Chi Phần** chẳng thể đắc
- (𠄎 _ CA) TẢ Tự Môn là tất cả Pháp **liã tất cả thiên biến** (dời đổi)
- (𠄎 _ CHA) THA Tự Môn là tất cả Pháp **Ảnh tượng** chẳng thể đắc
- (𠄎 _ JA) NHẠ Tự Môn là tất cả Pháp **sinh** chẳng thể đắc
- (𠄎 _ JHA) TÁN Tự Môn là tất cả Pháp **chiến địch** chẳng thể đắc
- (𠄎 _ ÑA) NHƯỠNG Tự Môn là tất cả Pháp **Trí** chẳng thể đắc
- (𠄎 _ TA) TRA Tự Môn là tất cả Pháp **Mạn** (chậm trễ) chẳng thể đắc
- (𠄎 _ THA) ĐÀ Tự Môn là tất cả Pháp **trưởng dưỡng** chẳng thể đắc
- (𠄎 _ DA) NOA Tự Môn là tất cả Pháp **oán địch** chẳng thể đắc
- (𠄎 _ DHA) TRÀ Tự Môn là tất cả Pháp **chấp trì** (cầm giữ) chẳng thể đắc
- (𠄎 _ NA) NOA Tự Môn là tất cả Pháp **tranh** (can ngăn, kiện cáo) chẳng thể đắc
- thả đắc
- (𠄎 _ TA) ĐA Tự Môn là tất cả Pháp **Như như** chẳng thể đắc
- (𠄎 _ THA) THA Tự Môn là tất cả Pháp **trú xứ** (cư ngụ) chẳng thể đắc

- (𠄎 _ DA) NÁ Tự Môn là tất cả Pháp **thí** (ban cho) chẳng thể đắc
- (𠄏 _ DHA) ĐÀ Tự Môn là tất cả Pháp **Pháp Giới** chẳng thể đắc
- (𠄐 _ NA) NẮNG Tự Môn là tất cả Pháp **Danh** (tên gọi) chẳng thể đắc
- (𠄑 _ PA) BẢ Tự Môn là tất cả Pháp **Đệ Nhất Nghĩa Đế** chẳng thể đắc
- (𠄒 _ PHA) PHẢ Tự Môn là tất cả Pháp **chẳng bên như bọt nổi**
- (𠄓 _ BA) MA Tự Môn là tất cả Pháp **phộc** (cột buộc) chẳng thể đắc
- (𠄔 _ BHA) BÀ Tự Môn là tất cả Pháp **nhất thiết hữu** (tất cả cái có) chẳng thể đắc
- (𠄕 _ MA) MÃNG Tự Môn là tất cả Pháp **Ngô Ngã** chẳng thể đắc
- (𠄖 _ YA) DÃ Tự Môn là tất cả Pháp **nhất thiết Thừa** (tất cả Thừa) chẳng thể đắc
- (𠄗 _ RA) LA Tự Môn là tất cả Pháp **lià các trần nhiễm** (dính bụi)
- (𠄘 _ LA) LA Tự Môn là tất cả Pháp **Tướng** chẳng thể đắc
- (𠄙 _ VA) PHỘC Tự Môn là tất cả Pháp **cắt đứt đường ngôn ngữ**
- (𠄚 _ 'SA) XẢ Tự Môn là tất cả Pháp **Bản Tính Tịch** (Vốn có tính vắng lặng)
- (𠄛 _ SA) SÁI Tự Môn là tất cả Pháp **tính động** (căn tính trì động chậm chạp)
- (𠄜 _ SA) SA Tự Môn là tất cả Pháp **nhất thiết Đế** (tất cả Đế) chẳng thể đắc
- (𠄝 _ HA) HẠ Tự Môn là tất cả Pháp **nhân** (nguyên nhân) chẳng thể đắc
- (𠄞 _ KSA) KHẮT-SÁI Tự Môn là tất cả Pháp **tận** (chấm dứt) chẳng thể đắc

DU GIÀ KIM CƯƠNG ĐỈNH KINH THÍCH TỰ MẪU PHẨM
(Hết)

KINH VĂN THÙ THỪA HỎI _PHẨM MẪU TỰ THỨ MƯỜI BỐN_

Bấy giờ Văn Thù Sư Lợi bạch Phật rằng:”Thế Tôn ! Tất cả các Tự Mẫu. Làm thế nào mà tất cả các Pháp vào các chữ này với chữ của Đà La Ni ?”

Đức Phật bảo Văn Thù Sư Lợi:”Tất cả các Pháp nhập vào các Tự Mẫu này với chữ của Đà La Ni.

Này Văn Thù Sư Lợi ! Như:

Lúc xưng chữ A (𑖀 _ A) thời là tiếng **Vô Thường**

Lúc xưng chữ A (𑖀 _ À) thời là tiếng **xa lìa Ngã**

Lúc xưng chữ I (𑖄 _ I) thời là tiếng **các căn rộng rãi**

Lúc xưng chữ I (𑖄 _ Ì) thời là tiếng **Thế Gian tai hại**

Lúc xưng chữ Ô (𑖛 _ U) thời là tiếng **nhiều loại bức bách**

Lúc xưng chữ Ô (𑖛 _ Û) thời là tiếng **tổn giảm phần lớn hữu tình của Thế**

Gian

Lúc xưng chữ Lữ (𑖛 _ R) thời là tiếng **hữu tình chính trực mềm yếu nối tiếp nhau**

Lúc xưng chữ Lữ (𑖛 _ Ò) thời là tiếng **du hý cắt đứt nhiệm dĩnh**

Lúc xưng chữ Lự (𑖛 _ L) thời là tiếng **sinh Pháp Tướng**

Lúc xưng chữ Lự (𑖛 _ Ì) thời là tiếng **tướng nhiệm dĩnh của ba Hữu**

Lúc xưng chữ Ê (𑖛 _ E) thời là tiếng **khởi mong cầu**

Lúc xưng chữ Ái (𑖛 _ AI) thời là tiếng **uy nghi thắng**

Lúc xưng chữ Ô (𑖛 _ O) thời là tiếng **chọn lấy**

Lúc xưng chữ Áo (𑖛 _ AU) thời là tiếng của **hóa sinh**

Lúc xưng chữ Âm (𑖛 _ AM) thời là tiếng **không có Ngã Sở** (cái của ta)

Lúc xưng chữ Ác (𑖛 _ AH) thời là tiếng **chìm mất**

Lúc xưng chữ Ca (𑖛 _ KA) thời là tiếng **nhập vào Nghiệp Dị Thục**

Lúc xưng chữ Khư (𑖛 _ KHA) thời là tiếng **xuất ra thất cả Pháp ngang**

bằng hư không

Lúc xưng chữ Nga (𑖛 _ GA) thời là tiếng **Pháp thâm sâu**

Lúc xưng chữ Già (𑖛 _ GHA) thời là tiếng **bẻ gãy sự rậm kín, Vô Minh,**

mờ tối

Lúc xưng chữ Ngưỡng (𑖛 _ ÑA) thời là tiếng **nằm nẻo thanh tịnh**

Lúc xưng chữ Tả (𑖛 _ CA) thời là tiếng **bốn Thánh Đế**

Lúc xưng chữ Tha (𑖛 _ CHA) thời là tiếng **dục chẳng che trùm**

Lúc xưng chữ Nhạ (𑖛 _ JA) thời là tiếng **vượt qua già chết**

Lúc xưng chữ Toản (𑖛 _ JHA) thời là tiếng **ché phục ngũ ngôn ác**

Lúc xưng chữ Nường (𑖛 _ ÑA) thời là tiếng **ché phục Ma khác**

Lúc xưng chữ **Tra** (𑖠 _ ṬA) thời là tiếng **chặt dứt** lời nói

Lúc xưng chữ **Tra** (𑖡 _ ṬHA) thời là tiếng **xuất ra Trí** đáp lại

Lúc xưng chữ **Noa** (𑖢 _ ḌA) thời là tiếng **xuất ra nhiếp phục** sự khuyên

can của Ma

Lúc xưng chữ **Đô** (𑖣 _ ḌHA) thời là tiếng **diệt cảnh giới** đơ bản

Lúc xưng chữ **Noa** (𑖤 _ ṆA) thời là tiếng **trừ các phiền** não

Lúc xưng chữ **Đa** (𑖥 _ TA) thời là tiếng **Chân Như** không có gián đoạn

Lúc xưng chữ **Đà** (𑖦 _ THA) thời là tiếng **thế lực tinh tiến** không sợ hãi

Lúc xưng chữ **Ná** (𑖧 _ DA) thời là tiếng **điều phục** Luật Nghi, an ổn vắng

lặng

Lúc xưng chữ **Đà** (𑖨 _ DHA) thời là tiếng **bảy** Thánh Tài

Lúc xưng chữ **Năng** (𑖩 _ NA) thời là tiếng **biết khắp** Danh Sắc

Lúc xưng chữ **Bả** (𑖪 _ PA) thời là tiếng **Thắng** Nghĩa

Lúc xưng chữ **Phả** (𑖫 _ PHA) thời là tiếng **đắc quả** tác chứng

Lúc xưng chữ **Ma** (𑖬 _ BA) thời là tiếng **giải thoát** sự trói buộc

Lúc xưng chữ **Bà** (𑖭 _ BHA) thời là tiếng **sinh ra** ba Hữu

Lúc xưng chữ **Mãng** (𑖮 _ MA) thời là tiếng **ngưng dứt** kiêu mạn

Lúc xưng chữ **Đã** (𑖯 _ YA) thời là tiếng **thông đạt** của Phật

Lúc xưng chữ **La** (𑖰 _ RA) thời là tiếng **vui, chẳng** vui Thắng Nghĩa

Lúc xưng chữ **Lỏa** (𑖱 _ LA) thời là tiếng **cắt dứt** Ái Dục

Lúc xưng chữ **Phộc** (𑖲 _ VA) thời là tiếng **Tối** Thượng Thừa

Lúc xưng chữ **Xả** (𑖳 _ ʼSA) thời là tiếng **phát ra** Tín, Tiến, Niệm , Định,

Tuệ

Lúc xưng chữ **Sái** (𑖴 _ ṢA) thời là tiếng **chế** phục sáu Xứ, được Trí của sáu

Thần Thông

Lúc xưng chữ **Sa** (𑖵 _ SA) thời là tiếng **hiện** chứng Nhất Thiết Trí

Lúc xưng chữ **Hạ** (𑖶 _ HA) thời là tiếng **hại** phiền não, là Dục

Lúc xưng chữ **Khất-Sái** (𑖷 _ KṢA) thời là tiếng **tất cả** văn tự **rốt ráo**

không có lời nói

Này Văn Thù Sư Lợi ! Đây là nghĩa của Tự Mẫu, tất cả các chữ nhập vào trong đây

KINH VĂN THÙ THỪA HỎI
PHẨM MẪU TỰ (Hết)

22/12/2012